

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LIÊU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LIÊU – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: Ngô Tiến Thành.

- Bà: Sái Thị Kim Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Văn Biên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023; về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Đặng Văn T, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lính chuyên nghiệp Đoàn Biên phòng B; thôn L, xã B, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

- Bị đơn: chị Nông Thị H, sinh năm: 1986; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Viên chức ngành y tế - Trưởng trạm y tế xã H. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa anh Đặng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nông Thị H được tự do tìm hiểu khoảng 3 năm và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/3/2008 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ninh (nay là UBND thị trấn B). Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống tại khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh được khoảng 1 năm, đến năm 2009 vợ chồng anh về bên gia đình ngoại sinh sống và đến năm 2012 vợ chồng anh chuyển về sinh sống cùng gia đình nội tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung của vợ chồng anh thì thoả mãn xảy ra mâu thuẫn trong gia đình nhưng cả hai vợ chồng cùng

khắc phục. Đến năm 2020 thì vợ chồng anh nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, lối sống. Phần nữa do anh phải đóng quân xa nhà, vợ anh thường nghi ngờ anh có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, khiến cho vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không tìm được tiếng nói chung. Vợ anh còn thông tin liên lạc với các Lãnh đạo anh trong đơn vị làm ảnh hưởng đến công tác cũng như tư tưởng của anh trong toàn đơn vị, vợ anh còn có thái độ không tôn trọng anh cùng bố mẹ chồng. Anh đã nói chuyện với vợ để hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh đã từng viết đơn xin ly hôn nhưng vì nghĩ đến các con anh không nộp giải quyết tại Tòa án. Vợ chồng anh đã sống ly thân kể từ tháng 6/2022 đến hiện nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, anh thấy tình cảm yêu thương đối với vợ anh đã hết, anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nông Thị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là: Đặng Xuân L, sinh ngày 24/8/2008 và Đặng Tâm Đ, sinh ngày 06/11/2018 hiện đang ở cùng mẹ. Anh và chị H thỏa thuận chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng cho Đặng Xuân L mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Luật đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật; anh tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Đặng Tâm Đ mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng kể từ khi cháu Luật đủ 18 tuổi.

Công việc hiện tại của anh T là bộ đội biên phòng, thu nhập khoảng 12.000.000đ/tháng (mười hai triệu đồng một tháng). Công việc của chị H là bác sĩ, có thu nhập ổn định, vợ chồng đều đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn chị Nông Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình kết hôn như anh Đặng Văn T vừa trình bày là đúng. Vợ chồng chị nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2021. Nguyên nhân mâu thuẫn do chồng chị thờ ơ, không quan tâm đến gia đình, không chu cấp tiền hỗ trợ nuôi các con. Thời điểm này chị cũng nhận được những tin nhắn của một người phụ nữ nhận là bạn gái đang chung sống cùng chồng chị. Chị cũng đã xuống đơn vị chồng chị để tìm hiểu, trực tiếp hỏi chồng chị nhưng chồng chị không giải thích. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm ngày càng xa cách, không tìm được tiếng nói chung. Giờ chồng chị nhất quyết ly hôn nên chị cũng không níu kéo nữa, chị đồng ý ly hôn.

- Về con chung: chị H xác nhận vợ chồng có hai con chung là: Đặng Xuân L, sinh ngày 24/8/2008 và Đặng Tâm Đ, sinh ngày 06/11/2018 hiện các con chung đang ở cùng chị, do anh T phải công tác xa nhà. Chị H đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh T đã đề nghị.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh Đặng Văn T tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được chị sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau khi thu thập đủ tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung của anh Đặng Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bị đơn chị Nông Thị H, sinh năm: 1986; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh, nên yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng Văn T, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Đặng Văn T và chị Nông Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Q (nay là UBND thị trấn B), đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống tại khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh trong khoảng 1 năm. Đến năm 2009 vợ chồng anh về bên gia đình ngoại sinh sống. Năm 2012 vợ chồng anh chuyển về sinh sống cùng gia đình nội tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung của vợ chồng anh thì thoả mãn xảy ra mâu thuẫn trong gia đình nhưng cả hai vợ chồng cùng khắc phục. Năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, lối sống. Phần nữa do anh phải đóng quân xa nhà, vợ anh thường nghi ngờ anh có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, khiến cho vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không tìm được tiếng nói chung. Vợ anh còn thông tin liên lạc với các Lãnh đạo anh trong đơn vị làm ảnh hưởng đến công tác cũng như tư tưởng của anh trong toàn đơn vị, từ đó vợ anh không tôn trọng anh cùng bố mẹ chồng. Anh cũng đã nói chuyện với vợ để hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh đã từng viết đơn xin ly hôn nhưng vì nghĩ đến các con nên anh không nộp ra Tòa án. Vợ chồng anh đã sống ly thân kể từ tháng 6/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Giờ đây, anh thấy tình cảm yêu thương đối với vợ anh đã hết, anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nông Thị H để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo như anh T, chị H đã trình bày.

Qua xác minh về tình trạng hôn nhân của anh T và chị H tại thôn Đ cho thấy: sau khi kết hôn, anh T và chị H sống cùng bố mẹ chồng tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh

Quảng Ninh. Anh T là bộ đội biên phòng, chị H công tác tại Phòng khám bệnh đa khoa khu vực H. Quá trình hai vợ chồng sinh sống trên địa bàn thì cũng có nghe nói xảy ra mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, Trưởng thôn không nắm rõ, qua tìm hiểu thì được biết là do anh T thường xuyên phải công tác xa nhà, vợ chồng không có niềm tin đối với nhau nên dẫn đến mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Do vợ chồng anh T, chị H chưa yêu cầu hòa giải nên thôn chưa tiến hành hòa giải tại cơ sở. Nay được biết anh T nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị H, quan điểm của thôn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng.

Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu giải quyết cho ly hôn của anh T đối với chị H là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về con chung: anh Đặng Văn T và chị Nông Thị H có hai con chung là: Đặng Xuân L, sinh ngày 24/8/2008 và Đặng Tâm Đ, sinh ngày 06/11/2018. hiện con chung đang ở cùng mẹ. Khi ly hôn hai bên cùng thống nhất: chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung; anh T có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu L mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Luật đủ 18 tuổi (ngày 24/8/2026), thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật; và anh tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Đặng Tâm Đ kể từ tháng 9 năm 2026 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Qua xác minh Trưởng thôn đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật, dựa trên sự thỏa thuận, tình hình kinh tế của các bên, nguyện vọng của con chung, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của con chung. Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của cháu L, cháu có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa các bên đã thống nhất thỏa thuận chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung do anh T thường xuyên công tác xa nhà, không có thời gian chăm sóc con; anh T có trách nhiệm cấp dưỡng cho các con chung hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 69; khoản 1, khoản 3 Điều 70; khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, nếu không thỏa thuận được, sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau khi thu thập đủ tài liệu, chứng cứ.

[5] Về án phí: anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của anh Đặng Văn T

- Về quan hệ hôn nhân: anh Đặng Văn T và chị Nông Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: chị Nông Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Đặng Xuân L, sinh ngày 24/8/2008 và Đặng Tâm Đ, sinh ngày 06/11/2018; anh T có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu L mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Luật đủ 18 tuổi (ngày 24/8/2026), thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật; và anh tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Đặng Tâm Đ kể từ tháng 9 năm 2026 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: anh Đặng Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng cho con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số: 0014041 ngày ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Liêu. Anh T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng cho con.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- Chi cục THADS huyện Bình Liêu.
- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND huyện Bình Liêu.
- UBND thị trấn B.
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải